

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 3 – 2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Sơn Thị Vành Đa.

2. Ông Lê Thanh Khởi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Cao Thành Đạt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*

Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lý Kim P.**

Địa chỉ: Ấp Đ, Thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc H.**

Địa chỉ: Ấp Đ, Thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lý Kim P trình bày:

Vào ngày 19 tháng 12 năm 2009, chị P và anh H tổ chức lễ cưới; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21 tháng 12 năm 2009. Anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, không

nói chuyện với nhau một thời gian dài; chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Anh, chị không còn chung sống từ đầu năm 2019 đến nay, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị P với anh H có hai con chung tên Nguyễn Lý Minh T, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2007 và Nguyễn Lý Phương U, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2013, hiện nay sống chung với chị P. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P và anh H đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng anh H đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị P.

3. Ý kiến của con chung: Trong biên bản về việc ghi ý kiến con chưa thành niên ngày 17 tháng 01 năm 2020, Tòa án ghi ý kiến của cháu Nguyễn Lý Minh T, thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Lý Kim P.

4. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, Thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị P có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử

vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào giấy trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân Thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp, thì chị P với anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn N vào ngày 21 tháng 12 năm 2009. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng anh H đều vắng mặt không lý do; trong quá trình giải quyết vụ án, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng chị không còn tình cảm với anh H; anh, chị không còn sống chung với nhau hơn một năm nay.

Do đó, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị P và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[2.2] Về con chung:

Chị P với anh H có hai con chung tên Nguyễn Lý Minh T, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2007 và Nguyễn Lý Phương U, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2013. Chị P yêu cầu giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị P, đồng thời cháu T và cháu U hiện đang chung sống với chị P; anh H cũng không có ý kiến đối với vấn đề con chung; nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu, đồng thời căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, nên giao cháu T và cháu U cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi theo quy định của khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quyền, nghĩa vụ của anh H đối với con chung: Anh H không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị P; anh H cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; anh H cũng không có ý kiến về cấp dưỡng, nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lý Kim P được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Lý Minh T, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2007 và cháu Nguyễn Lý Phương U, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2013 cho chị Lý Kim P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T và cháu U tròn 18 (mười tám) tuổi.

Anh Nguyễn Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Kim P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000370 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị P đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- UBND Thị trấn N, huyện T, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh